TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 30 – 8 - 2017
V/v *không công nhận quan hệ vợ chồng*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Hồ Thị Tuyết Phương.***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Lê Minh Tuyền**

Thư ký phiên tòa: Bà ***Đỗ Thị Diễm Trang*** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh kiều tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/TLST-HN ngày 30/03/2017 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 884/2017/QĐST-HN ngày 18/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung C,** sinh năm 1979.

Địa chỉ: 157/5 Trần Vĩnh Kiết, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: 80/4/5 Điện Biên Phủ, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung C trình bày: Ông và bà T tự nguyện tìm hiểu tiến tới chung sống từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông và bà T đã sống ly thân khoảng 08 tháng nay. Xét thấy tình cảm không còn nữa nên ông xin được không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Kim T.

Về con chung: có 02 con tên Nguyễn Trần Lê H (nữ) sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Hồng Ngọc A (nữ) sinh ngày 29/10/2014, khi chấm dứt quan hệ hôn nhân ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn bà Trần Thị Kim T trình bày: Về quan hệ chung sống: giống như ông C trình bày. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà cũng thống nhất không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Trung C.

Về con chung: có 02 con tên Nguyễn Trần Lê H (nữ) sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Hồng Ngọc A (nữ) sinh ngày 29/10/2014, khi chấm dứt quan hệ hôn nhân bà cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung, bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều ghi nhận ý kiến của nguyên đơn và bị đơn về vấn đề con chung cũng như tài sản chung và nợ chung. Phía ông C có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà T cũng thống nhất giao con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T, ông C thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của ông bà; con chung thống nhất giao ông C trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản chung và nợ chung thống nhất không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ vụ kiện sau khi nghe trình bày của nguyên đơn, sau khi thẩm tra công khai tại phiên tòa sau khi nghe trA luận. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ông C và bà T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn nay ông C có đơn xin không công nhận quan hệ vợ chồng, do ông C và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng và khi có yêu cầu thì áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để điều chỉnh. Do bà T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Ninh Kiều theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Xét yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn: Theo ông C trình bày ông và bà T tự nguyện tìm hiểu tiến tới chung sống từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông và bà T đã không còn chung sống với nhau. Nay ông kiên quyết xin không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T, bị đơn bà T cũng thống nhất với ý kiến của ông C về thời gian chung sống, nay ông C có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng bà cũng đồng ý. Do đây là hôn nhân không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân mà đưa ra xét xử theo Nghị quyết 35/2000/QH10 và áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Lê H (nữ) sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Hồng Ngọc A (nữ) sinh ngày 29/10/2014. Ông C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà T cũng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2017 phía bà T thống nhất giao 02 con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T giao con cho ông C nuôi dưỡng là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu H, cháu A các bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C, bà T trình bày là không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông C phải chịu 300.000đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí của ông C thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Khoản 3 Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 15; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Trung C và bà Trần Thị Kim T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông C, bà T, giao 02 con chung là Nguyễn Trần Lê H (nữ) sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Hồng Ngọc A (nữ) sinh ngày 29/10/2014 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà T không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu H, cháu A các bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông C, bà T trình bày là không có nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông C phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí của ông C đã nộp theo biên lai thu số 003442 ngày 21/02/2017 thành án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án hôm nay.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- THA Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Tuyết Phương